

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 168/2022/HSST
Ngày: 29/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Hữu Đức.**

2. Ông H Hương Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà H Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Doãn H - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 152/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng năm 2022 đối với:

1- Họ tên: **Q**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1987, tại: Hà Nội; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã H, huyện T, Thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông: T, Sinh năm: 1960; Con bà: T, Sinh năm 1960; Gia đình có 03 anh em, bị can là con thứ nhất; Vợ: V, sinh năm 1987; Có 02 con; Lớn sinh năm: 2012, nhỏ sinh năm: 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Q bị bắt và tạm giữ từ ngày 29/3/2022 đến nay tại trại tạm giam số 1 Công an Thành phố Hà Nội ; Có mặt tại phiên tòa. .

II- Người bị hại:

1- **Anh T** – Sinh năm 1986; HKTT: Tổ 8 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; *Vắng mặt tại phiên tòa.*

2- **Anh H** – Sinh năm 1983; HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; *Có mặt tại phiên tòa.*

3- **Anh K** – Sinh năm 1987; HKTT: Tổ dân phố B, xã Y, huyện G, Thành phố Hà Nội; *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/3/2022, anh T (sinh năm 1986; Chỗ ở: Tổ 8 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội) và anh H (sinh năm 1983; Chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội) đến Công an xã D trình báo về việc bị đối tượng Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T 50.000.000 đồng và anh H 30.000.000 đồng.

Ngày 25/3/2022 anh K (sinh năm: 1987; HKTT: Tò dân phố B, xã Y, G, Hà Nội) đến công an huyện Đông Anh trình báo về việc anh K bị đối tượng tên là Q chiếm đoạt số tiền: 90.000.000 đồng.

Nhận được đơn trình báo của các bị hại trên, cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh đã tiến hành điều tra làm rõ đối tượng Q phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ vật chứng gồm:

* Của Q:

+ Một căn cước công dân số 031082191287, mang tên C; sinh ngày 04/09/1982; Quê quán: T, H, thành phố H; Nơi thường trú: tổ 4 T, H, Thành phố H; Cấp ngày 09/07/2018 do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp, có ký tên S, đóng mẫu tròn màu đỏ.

+ Một căn cước công dân số 036083140527, mang tên Q; sinh ngày 11/07/1983; Quê quán: Đ, V, N; Nơi thường trú: Thôn T, Đ, V, N; Cấp ngày 01/10/2019 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp, có ký tên D, đóng dấu tròn màu đỏ.

+ Một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 đề tên Q; sinh năm 1983, CCCD số 036083140527 địa chỉ thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh N; Thửa đất số 352, tờ bản đồ số 19, diện tích 40,3m² địa chỉ: Thôn D, M, Đông Anh, Hà Nội; Do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/12/2021; có ký tên N đóng mẫu dấu hình tròn màu đỏ, chức danh Phó giám đốc; Số vào sổ cấp GCN: CS 79826.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 767773 đề tên D; Năm sinh: 1985; CCCD số 036085005052; Địa chỉ thường trú: xã G, huyện G, tỉnh N; Thửa đất số 872 (gốc 815, 816), tờ bản đồ số 15 diện tích 221,05m² địa chỉ: xã T, thành phố Đ, tỉnh L.

Do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp, có ký tên S đóng dấu hình tròn màu đỏ, chức danh Phó Giám đốc (không ghi ngày cấp) bên cạnh có một hình dấu hình tròn màu đỏ của Sở tài nguyên và môi trường của Thành phố Hà Nội, mặt trước có viết chữ “Bỏ”. Số vào sổ cấp GCN: CS00784.

+ 01 tờ giấy có tiêu đề “VĂN BẢN TỪ CHỐI NHẬN TÀI SẢN CHUNG VỢ CHỒNG” đề ngày 6/12/2020; những người ký văn bản gồm: Chồng có ký ghi tên Q có dấu vân tay mực màu đỏ; Vợ có ký ghi tên T có dấu vân tay mực màu đỏ.

+ 01 tờ giấy có tiêu đề “VĂN BẢN TỪ CHỐI NHẬN TÀI SẢN CHUNG VỢ CHỒNG” không đề ngày; những người ký văn bản gồm: Chồng có ký ghi tên Q có dấu vân tay mực màu đỏ; Vợ có ký ghi tên T có dấu vân tay mực màu đỏ.

+ 01 tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 23/02/202; BÊN ĐẶT CỌC có ký ghi tên H; BÊN NHẬN ĐẶT CỌC có ký ghi tên Q; BÊN LÀM CHỨNG ký ghi tên L ghi số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng)

+ 01 quyền hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được sử dụng ba tờ có chữ ký của Q, N, T;

+ 01 bản hợp đồng đặt cọc chưa viết nội dung;

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung số IMEI1:35521309626216701, số IMEI2: 35521409626216501, gắn sim số thuê ba0 0705372184;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đỏ, số IMEI 1; 86637604245679; số IMEI 2: 866376042452661, gắn sim số thuê bao 0389024842 và số 0379137504;

+ 01 cặp vải màu tím.

+ 01 giấy đăng ký xe mô tô 29C1-608.64 mang tên T; số khung 43139Y631346, số máy JC43E0597844.

+ Số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam.

+ 01 hộp mực lăn tay.

+ 01 thước dây rút.

* Của anh H: 01 tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 23/02/202; BÊN ĐẶT CỌC có ký ghi tên H; BÊN NHẬN ĐẶT CỌC có ký ghi tên Q; BÊN LÀM CHỨNG ký ghi tên L; ghi số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

* Của anh T: 01 hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 06/3/2022, số tiền ghi trên giấy là 50.000.000đ có chữ ký của của anh T, Q và H; 01 sổ phụ kiểm phiếu báo nợ của Ngân hàng Techcombank.

* Cửa anh K: 01 hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, 01 USB lưu giữ hình ảnh chị A quay video khi giao dịch ký hợp đồng đặt cọc với Q.

* Khám xét nơi của Q tại địa chỉ T, D, T, Hà Nội tạm giữ:

+ Một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 đề tên Q; sinh năm 1983, CCCD số 036083140527 địa chỉ thường trú: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh N; Thửa đất số 352, tờ bản đồ số 19, diện tích 40,3m² địa chỉ: Thôn D, M, Đông Anh, Hà Nội; Do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2020; có ký tên N đóng mẫu dấu hình tròn màu đỏ, chức danh Phó giám đốc. Số vào sổ cấp GCN: CS 92738; góc bên phải có chữ viết đầu tiên “Ngày 28/02/2022.....chữ cuối cùng là ngày 28/01/2022”.

+ 01 hộp hình chữ nhật màu đỏ; hình dấu tròn màu đỏ có chữ “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” của Thành phố Hà Nội.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 29C1-608.64, số khung 43139Y631346, số máy JC43E0597844.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Q là người lao động tự do, thỉnh thoảng có tham gia việc môi giới bất động sản tự do trên địa bàn huyện Đông Anh. Quá trình môi giới đất, để có tiền tiêu xài cho bản thân, Q nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền đặt cọc của khách hàng mua đất thông qua việc ký kết Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tháng 12/2021, Q đến thuê trọ nhà ông H (sinh năm 1943; trú tại: thôn Đ, xã D, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội) để ở. Quá trình thuê trọ và sinh hoạt, Q tự giới thiệu là Q quê ở V, N. Để thực hiện hành vi lừa đảo của mình, Q làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, thẻ căn cước công dân, dấu tròn của Sở tài nguyên và môi trường Hà Nội, cụ như sau:

Q sử dụng điện thoại di động có kết nối Internet, tìm trang làm giả giấy tờ, tài liệu (Q hiện không nhớ tên trang) và để lại số điện thoại 0705372184 của Q. Sau đó, có ních zalo tên “N” liên lạc kết bạn với Q qua zalo, hỏi nhu cầu của Q. Q đặt làm giả một căn cước công dân giả tên là Q ngày sinh 11/07/1983, số căn cước 036083140527, nơi thường trú là Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh N với giá 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng), hình thức thanh toán khi nhận hàng. Q cung cấp địa chỉ nhận hàng là thôn Đ, xã D, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Bốn ngày sau khi đặt, Q nhận được 01 căn cước công dân giả theo đúng thông tin đã yêu cầu. Q trả số tiền 1.400.000 đồng cho một nam thanh niên shipper (chưa xác định được nhân thân).

Sau đó, Q lên mạng xã hội thấy có người đăng bán thửa đất diện tích 40,3m² địa chỉ thôn D, M, Đông Anh, Hà Nội, bên cạnh còn hai thửa đất khác nên tải hình ảnh về điện thoại di động. Q đến xem thấy thửa đất không có nhà và không biết thửa đất của ai. Q sử dụng điện thoại di động truy cập định vị thửa đất lưu vào điện thoại, chụp ảnh thửa đất lưu vào điện thoại. Sau đó Q liên lạc với nick zalo “N” đặt làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có thông tin thửa đất số 352; tờ bản đồ số 19; diện tích 40,3m² địa chỉ Thôn D, M, Đông Anh, Hà Nội mang tên Q với giá là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), thanh toán tiền khi nhận hàng.

Một tuần sau, Q nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Q; sinh năm 1983, CCCD số 036083140527 địa chỉ thường trú: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh N; Thửa đất số 352, tờ bản đồ số 19, diện tích 40,3m² địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2020; có ký tên N đóng mẫu dấu hình tròn màu đỏ, chức danh Phó giám đốc. Số vào sổ cấp GCN: CS 92738; Q thanh toán tiền cho nam thanh niên shipper (chưa rõ nhân thân và địa chỉ). Sau khi về nhà, Q thấy sơ đồ thửa đất thửa đất trong giấy chứng nhận nêu trên to hơn bình thường nên liên hệ người có nick Zalo “N” đề nghị làm lại với sơ đồ thửa đất nhỏ hơn, đẹp hơn; Người có nick Zalo “N” đồng ý làm lại. Q giữ lại sổ đỏ cũ làm không đạt yêu cầu.

Bốn ngày sau, Q nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 294933 đã được làm lại đạt theo yêu cầu; Ngoài ra, Q thấy có thêm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 767773 tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là D; Năm sinh: 1985; CCCD số 036085005052; Địa chỉ thường trú: xã G, huyện G, tỉnh N; Thửa đất số 872 (góc 815, 816), tờ bản đồ số 15 diện tích 221,05m² địa chỉ: xã T, thành phố Đ, tỉnh L. Do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp, có ký tên S đóng dấu hình tròn màu đỏ, chức danh Phó Giám đốc (không ghi ngày cấp) bên cạnh có một hình dấu hình tròn màu đỏ của Sở tài nguyên và môi trường của Thành phố Hà Nội, mặt trước có viết chữ “Bỏ”. Số vào sổ cấp GCN: CS00784. Q liên hệ lại nick Zalo “N” về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên D, thì người có nick Zalo “N” nói là “sổ đỏ bỏ rồi, em gửi nhầm”. Q giữ lại cả ba sổ đỏ. Q chưa sử dụng sổ đỏ mang tên D đi lừa đảo hoặc sử dụng vào mục đích bất hợp pháp khác.

Ngày 14/02/2022, Q đến Ngân hàng S – Chi nhánh T mở tài khoản số 020096060980 mang tên Q để sử dụng khi đi lừa đảo.

Q tiếp tục liên hệ với người có nick Zalo “N” đặt làm giả một căn cước công dân mang tên C số công dân số 031082191287, sinh ngày 04/09/1982; Quê quán: T, H, thành phố H; Nơi thường trú: tổ 4 T, H, Thành phố H và gửi ảnh chụp chân dung của Q với 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Vài ngày sau, Q nhận được căn cước công dân giả mang tên C qua nam thanh niên shipper (chưa xác nhận được nhân thân và địa chỉ) và thanh toán tiền mặt cho Shipper.

Để phục vụ cho việc đi lừa đảo, ngoài việc làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cước công dân, Q còn soạn thảo hai “Văn bản từ chối nhận tài sản chung vợ chồng” ghi vợ là T và mọi thông tin cá nhân như năm sinh, số căn cước công dân và địa chỉ tự nghĩ ra, rồi tự tay ký vào phần người vợ, dùng ngón trỏ phải của Q điểm chỉ vào phần chữ ký người vợ T, phần chồng Q ký và ghi tên Q, dùng ngón trỏ trái để điểm chỉ vào văn bản.

Q tiếp tục sử dụng điện thoại di động tìm kiếm trang làm giả con dấu. Q thấy trang quảng cáo làm giả con dấu và cung cấp thông tin số điện thoại 0705372184 của Q; Sau đó có nick Zalo tên “V” liên hệ kết bạn Zalo với Q hỏi nhu cầu. Q nói “cần đặt làm một con dấu tròn của Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội”; nick Zalo “V” nói “giá làm là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) trên một con dấu”, Q đồng ý, cung cấp địa chỉ nhận hàng là thôn Đ, D, Đông Anh, Hà Nội.

Một tuần sau, Q nhận được một hộp hình chữ nhật bằng nhựa màu đỏ, đóng ra hình dấu tròn bằng mực màu đỏ có chữ “Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội”. Q thanh toán tiền qua nam shipper (chưa xác định được nhân thân và địa chỉ) số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Q đặt tìm mua một tập mẫu “hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, mực dấu, thước dây rút” để phục vụ cho việc đi lừa đảo của mình.

Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, căn cước công dân giả, số tài khoản và giấy tờ tài liệu khác có liên quan. Q lập và sử dụng nick Zalo “Ld Q”; “BatdongsanĐứcQ” để tìm kiếm người dân có nhu cầu mua bán bất động sản để liên hệ chào mời, giao bán thửa đất nhằm chiếm đoạt tài sản tiền đặt cọc. Từ đầu tháng 2/2022 đến ngày 22/3/2022, bị can Q liên tiếp chiếm đoạt tài sản của nhiều người dân cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Tháng 12/2021, K thông qua một số trang bất động sản có biết và liên hệ qua số điện thoại 0705372184 với Q về việc có nhu cầu mua đất để sử dụng ở, khi không cần sẽ bán để kinh doanh Q có dẫn anh K đi xem một số thửa đất trên địa bàn huyện P nhưng đều không giao dịch mua bán được. Quá trình giao tiếp với anh K, Q sử dụng tên giả là Q.

Đầu tháng 2/2022, anh K liên lạc với Q hỏi xem có mảnh đất nào không thì Q giới thiệu có thửa đất diện tích 40,3m2 địa chỉ D, M, Đông Anh, Hà Nội của vợ chồng Q muốn bán. Q nói dối “đang cần tiền chữa bệnh cho bố nên mới bán”, Giá bán thửa đất là 36.000.000 đồng/1m2 đồng thời gửi định vị thửa đất cho anh K xem”. Anh K và vợ là chị A (sinh năm 1991; HKTT: Tổ dân phố B, xã Y, huyện G, Hà Nội) căn cứ vào định vị đến xem thực tế thửa đất, thấy thửa đất có hai mặt tiền, diện tích 40,3m2, giá bán Q đưa ra hợp lý nên đồng ý mua. Anh K liên lạc điện thoại thỏa thuận mua thửa đất giá 1.450.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Anh K đề nghị Q dẫn đi xem trực tiếp thửa đất lần nữa, đồng thời đo lại diện tích thửa đất để làm hợp đồng đặt cọc, Q đồng ý.

Ngày 16/02/2022, anh K, chị A và ông S (sinh năm 1963; trú tại: tổ dân phố B, xã Y, G, Hà Nội –là bố chị A) đến thửa đất địa chỉ D, M, Đông Anh, Hà Nội xem. Q đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, giấy căn cước công dân giả mang tên Q ; văn bản từ chối nhận tài sản chung của vợ chồng mang tên Q và T cho anh K xem đồng thời cùng anh K đo lại diện tích thửa đất. Anh K xem và thấy mọi thông tin đều trùng khớp nên thống nhất với chị A và ông S mua thửa đất và đề nghị được làm hợp đồng đặt cọc. Sau đó, Q dẫn anh K, ông S và chị A về nhà ông H và nhờ phòng khách nhà ông H để làm nơi ký kết hợp đồng. Hai bên thỏa thuận thống nhất đặt cọc số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

Q lấy quyền mẫu mẫu hợp đồng đặt cọc sẵn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, căn cước công dân giả mang tên Q cho chị A viết hợp đồng đặt cọc. Sau khi viết, xem lại nội dung rồi cùng anh K ký ghi tên, điểm chỉ dưới phần chữ ký ghi tên dưới sự chứng kiến của ông S. Theo thỏa thuận thời gian đặt cọc là 10 ngày, kể từ ngày 16/02/2022 đến hết 24h00 ngày 26/02/2022, Q làm thủ tục công chứng, chuyển nhượng tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi công chứng hoàn tất, sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại là 1.360.000.000 đồng (một tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng). Chị An sử dụng tài khoản số 19021827231019 mở tại ngân hàng Techcombank chuyển đến số tài khoản 020096060980 mang tên Q mở tại ngân hàng Sacombank số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) kèm nội dung “A, K đặt cọc thửa đất số 352 tờ bản đồ số 19”. Q xác nhận đã nhận tiền rồi đưa một bản hợp đồng đặt cọc cho anh K giữ, hẹn 2 ngày sau làm hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Ngày 17/02/2022, Q sử dụng căn cước công dân giả mang tên Q đến Chi nhánh Ngân hàng Sacombank Đông Anh rút số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) để tiêu xài hết.

Đến hẹn làm hợp đồng công chứng sang tên thửa đất, anh K liên lạc nhiều lần đề nghị Q làm hợp đồng công chứng. Q đưa ra nhiều lý do như “đang ở quê.., đang nhiễm Covid 19” nên chưa làm công chứng được, hẹn anh K vào buổi khác.

Vụ thứ hai: Ngày 22/02/2022, Q thấy ních “D” của chị D (sinh năm 1986; trú tại: thôn Đ, T, Đông Anh, Hà Nội) hỏi mua thửa đất mà bị can Q đăng chào mời. Q liên hệ với chị D nói “tên là Q, có thửa đất diện tích 40,3m², thửa đất số 352, tờ bản đồ số 19 địa chỉ: D, M, Đông Anh, Hà Nội chính chủ muốn bán”. Q chụp ảnh sổ đỏ mang tên Q gửi cho chị D xem. Hai bên thoả thuận giá mua bán 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng)/1m².

Chị D nói với anh H (sinh năm 1983; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội – chồng chị D) việc thoả thuận giao dịch mua bán thửa đất với người tên Q, thửa đất đẹp, giá hợp lý, anh H đồng ý mua. Q gửi định vị thửa đất cho chị D.

Ngày 19/02/2022, chị D và anh H đến xem thửa đất theo định vị Q gửi. Chị D và anh H thấy có ba thửa đất, đã phân lô, trên các thửa đất không có nhà. Chị D liên lạc với Q để xác nhận, bị can Q nói “thửa đất hai mặt tiền”. Anh H và chị D đồng ý mua thửa đất và thoả thuận với Q giá 1.410.000.000 đồng (một tỉ bốn trăm mười triệu đồng). Hẹn ngày 23/02/2022 sẽ làm hợp đồng đặt cọc đặt cọc.

Hời 16h00 ngày 23/02/2022, Q liên lạc điện thoại với chị D và anh H hẹn gặp tại Đ, D, Đông Anh, Hà Nội để làm hợp đồng đặt cọc. Q dẫn anh H và chị D đến phòng khách của ông H để làm thủ tục. Tại phòng khách, Q lấy sổ đỏ, căn cước công dân mang tên Q cho anh H và chị D xem. Anh H và chị D thấy thông tin trùng khớp nên không nghi ngờ gì. Hai bên thoả thuận đặt cọc số tiền 30.000.000 đồng. Q lấy mẫu hợp đồng đặt cọc đưa cho anh H viết. Anh H viết hai bản rồi đưa cho Q xem lại trước khi ký. Thời hạn 30 ngày kể từ ngày 23/02/2022 đến ngày 23/3/2022 sẽ lập hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Anh H và anh K ký vào bản hợp đồng và có chị L (sinh năm 1999; Nơi ĐKKHTT: T, G, G, N – Chỗ ở: Đ, D, Đông Anh, Hà Nội) trợ cùng dãy với Q làm chứng. Sau khi ký hợp đồng, chị D đưa số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) cho Q. Q giữ lại sổ đỏ và căn cước công dân, đưa một bản hợp đồng đặt cọc cho anh H giữ. Sau đó, anh H và chị D đi về.

Ngày 17/3/2022, anh H và chị D đề nghị Q đến Văn phòng Công chứng để làm hợp đồng chuyển nhượng. Q nói dối “đang bị nhiễm Covid-19...đang ở quê nên chưa làm công chứng được”. Ngày 21/3/2022 chị D và anh H tiếp tục liên lạc với bị can Q đề nghị làm hợp đồng công chứng tiếp tục nói “vợ con bị can Q bị nhiễm Covid-19, hẹn ngày 24/3/2022 sẽ làm hợp đồng công chứng”. Q đề nghị anh H và chị D chụp gửi căn cước công dân, sổ hộ khẩu và giấy chứng nhận kết hôn gửi cho bị can Q làm thủ tục trước, anh H và chị D đồng ý theo đề nghị của bị can Q.

Vụ thứ 3: Anh T (sinh năm 1986) và chị H (sinh năm 1995 – vợ anh T) đều có hộ khẩu thường trú: Khu 5, xã Đ, huyện T, tỉnh P - Ở: Tổ 8 thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội là cháu anh H (sinh năm 1985; trú tại: Đ, D, Đông Anh, Hà Nội) nhờ tìm mua thửa đất để ở.

Đầu tháng 3/2022, Q thấy tin nhắn của anh H hỏi về thửa đất diện tích 40,3m²; thửa đất số 352; tờ bản đồ số 19 địa chỉ thôn D, xã M, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội mà Q đang bán. Q gửi định vị thửa đất, hình ảnh sổ đỏ thửa đất cho anh H xem. Bị can Q nói dối “cần tiền để mua thửa đất lớn hơn nên bán thửa đất giá 36.000.000 đồng /01m²”.

Ngày 06/3/2022 anh H, anh T và chị H đến xem vị trí thửa đất mà Q gửi định vị thì thấy có ba thửa đất, đã phân lô, trên mỗi thửa đất đều không có nhà, trong đó có một thửa có hai mặt tiền. Anh T, chị H đồng ý mua. Anh H liên lạc với Q thỏa thuận giá. Bị can Q nói dối đang đi làm, chiều hẹn gặp tại Đ, D, Đông Anh, Hà Nội.

Hồi 12h00 cùng ngày, Q gửi định vị trí nhà thuê trọ tại Đ, D, Đông Anh, Hà Nội cho anh H. Anh H, anh T và chị H đến, Q đến đón đưa vào phòng khách của nhà ông H địa chỉ Đ, D, Đông Anh, Hà Nội. Tại phòng khách, bị can Q đưa sổ đỏ, căn cước công dân mang tên Q cho anh H và anh T xem. Sau khi xem thấy thông tin trên sổ đỏ và căn cước công dân trùng khớp nên không nghi ngờ gì. Hai bên thỏa thuận và thống nhất giá 35.000.000 đồng/1m², và đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời hạn đặt cọc là 10 ngày kể từ ngày 06/3/2022 đến ngày 17/3/2022 sẽ công chứng sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Q lấy mẫu hợp đồng đặt cọc điền thông tin dưới sự chứng kiến của anh H. Anh T, anh H và Q ký vào bản hợp đồng đặt cọc. Anh T sử dụng số tài khoản 19033315042018 mở tại ngân hàng Techcombank chuyển số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến tài khoản số 020096060980 của bị can Q mở tại ngân hàng Sacombank. Q nhận tiền và đưa một bản hợp đồng đặt cọc cho anh T giữ hẹn 02 ngày sau sẽ làm hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Anh T, anh H và chị H đi về.

Ngày 08/3/2022, Q đến Ngân hàng Sacombank Chi nhánh huyện T dùng căn cước công dân mang tên Q rút số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiêu xài hết.

Đến hẹn, anh T liên lạc với Q để làm hợp đồng công chứng. Q nói dối “đang bị nhiễm Covid-19, hẹn khi nào sức khỏe ổn định sẽ công chứng”.

Sau đó, Q lo sợ bị phát hiện nên đến thôn T, D, T, Hà Nội thuê nhà trọ của anh H (sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã V, huyện L, tỉnh V – Ở: Ngõ 762 phường B, quận H, thành phố Hà Nội) để ở. Q sử dụng căn cước công dân giả mang tên C để thuê nhà anh H.

Ngày 22/3/2022, anh H và anh T phát hiện thửa đất trên được Q bán cho cả anh T và anh H không phải của Q. Biết bị lừa, anh H và anh T thống nhất tìm người giả làm người mua thửa đất để liên lạc với Q, dụ Q xuất hiện. Khi Q xuất hiện anh T, anh H và anh C giữ Q và đưa Q đến Công an Đông Anh trình báo.

Ngày 31/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Quyết định trưng cầu giám định đối với các giấy tờ, tài liệu, con dấu tạm giữ trong quá trình điều tra vụ án tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội. Ngày 01/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra nhận được Kết luận giám định số: 5147/KL-KTHS đề ngày 27/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội về việc giám định giấy tờ, tài liệu, con dấu tạm giữ trong vụ án như sau:

1. Căn cước công dân số 031082191287, mang tên C; sinh ngày 04/09/1982; Quê quán: T, H, thành phố H; Nơi thường trú: tổ 4 T, H, Thành phố H; Cấp ngày 09/07/2018 do Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp, có ký tên S, đóng dấu tròn màu đỏ (ký hiệu A1), là căn cước công dân giả

2. Căn cước công dân số 036083140527, mang tên Q; sinh ngày 11/07/1983; Quê quán: Đ, V, N; Nơi thường trú: Thôn T, Đ, V, N; Cấp ngày 01/10/2019 do Cục trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp, có ký tên D, đóng dấu tròn màu đỏ (ký hiệu A2), là căn cước công dân giả

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 đề tên Q; sinh năm 1983, CCCD số 036083140527 địa chỉ thường trú: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh N; Thửa đất số 352, tờ bản đồ số 19, diện tích 40,3m² địa chỉ: Thôn D, M, Đông Anh, Hà Nội; Do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 26/12/2021; có ký tên N, đóng dấu hình tròn màu đỏ, chức danh Phó giám đốc; Số vào sổ cấp GCN: CS 79826 (ký hiệu A3), là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 đề tên Q; sinh năm 1983, CCCD số 036083140527 địa chỉ thường trú: thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh N; Thửa đất số 352, tờ bản đồ số 19, diện tích 40,3m² địa chỉ: Thôn D, M, Đông Anh, Hà Nội; Do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2020; có ký tên N, đóng dấu hình tròn màu đỏ, chức danh Phó giám đốc. Số vào sổ cấp GCN: CS 92738; góc bên phải có chữ viết đầu tiên “Ngày 28/02/2022.....chữ cuối cùng là ngày 28/01/2022” (ký hiệu A4), là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 767773 đề tên D; Năm sinh: 1985; CCCD số 036085005052; Địa chỉ thường trú: xã G, huyện G, tỉnh N; Thửa đất số 872 (góc 815, 816), tờ bản đồ số 15 diện tích 221,05m² địa chỉ: xã T, thành phố Đ, tỉnh L. Do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp, có ký tên S, đóng dấu hình tròn màu

đỏ, chức danh Phó Giám đốc (không ghi ngày cấp) bên cạnh có một hình dấu hình tròn màu đỏ của Sở tài nguyên và môi trường của Thành phố Hà Nội, mặt trước có viết chữ “Bỏ”. Số vào sổ cấp GCN: CS00784 (ký hiệu A5), là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả.

6. Tờ giấy có tiêu đề “VĂN BẢN TỪ CHỐI NHẬN TÀI SẢN CHUNG VỢ CHỒNG” đề ngày 6/12/2020; những người ký văn bản gồm: Chồng có ký ghi tên Q có dấu vân tay mực màu đỏ; Vợ có ký ghi tên T có dấu vân tay mực màu đỏ (ký hiệu A6); không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết dòng họ tên Q (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết đứng tên Q trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M5, M6) ký và viết ra hay không; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên T (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết đứng tên T do Q ký và viết ra trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký và viết ra.

7. Tờ giấy có tiêu đề “VĂN BẢN TỪ CHỐI NHẬN TÀI SẢN CHUNG VỢ CHỒNG” không đề ngày; những người ký văn bản gồm: Chồng có ký ghi tên Q có dấu vân tay mực màu đỏ; Vợ có ký ghi tên T có dấu vân tay mực màu đỏ (ký hiệu A7); Chữ viết dòng họ tên Q (dưới chữ ký) là chữ của Q viết ra trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M5, M6), không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Q trên mẫu cần giám định với chữ ký đứng tên Q trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M5, M6) ký ra hay không; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên T (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết đứng tên T do Q ký và viết ra (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký và viết ra.

8. Hai tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 23/02/2022; BÊN ĐẶT CỌC có ký ghi tên H; BÊN NHẬN ĐẶT CỌC có ký ghi tên Q; BÊN LÀM CHỨNG ký ghi tên L (ký hiệu A8, A9); Chữ viết dòng họ tên Q (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định là chữ của Q viết ra trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M5, M6); Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Q trên mẫu cần giám định với chữ ký đứng tên Q trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M5, M6) ký ra hay không; Chữ viết phần nội dung, chữ viết dòng họ tên H (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định với chữ viết, chữ ký đứng tên H trên mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra.

9. Tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 16/02/2022; ĐẠI DIỆN BÊN A có ký ghi tên Q; ĐẠI DIỆN BÊN B có ký ghi tên K; ĐẠI DIỆN BÊN C: có ký ghi tên S (ký hiệu A10); Chữ viết dòng họ tên Q (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định là chữ của Q viết ra trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M5, M6); Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Q trên mẫu cần giám định với chữ ký đứng tên Q trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M5, M6) ký ra hay không; Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định với chữ viết đứng tên Q trên mẫu so sánh không phải là chữ do cùng một người viết ra; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên

K (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết đúng tên K trên mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra.

10. Tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 6/3/2022; BÊN ĐẶT CỌC có ký ghi tên T; BÊN NHẬN ĐẶT CỌC có ký ghi tên Q; BÊN LÀM CHỨNG ký ghi tên H (ký hiệu A11); Chữ viết dòng họ tên Q (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định là chữ của Q viết ra trên các mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M5, M6); Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đúng tên Q trên mẫu cần giám định với chữ ký đúng tên Q trên mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2, M5, M6) ký ra hay không; Chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định với chữ viết đúng tên Q trên mẫu so sánh là chữ do cùng một người viết ra; Chữ ký, chữ viết dòng họ tên H (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết đúng tên H trên mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra.

11. Hộp hình chữ nhật màu đỏ; hình dấu tròn màu đỏ có chữ “SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” của Thành phố Hà Nội (ký hiệu A12); Không đóng ra hình dấu tròn có nội dung “SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên mẫu so sánh.

Ngày 31/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Quyết định trưng cầu giám định số khung, số máy nguyên thủy của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 29C1-608.64, số khung 43139Y631346, số máy JC43E0597844 tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội; Ngày 01/8/2022 Cơ quan điều tra nhận được Kết luận giám định số: 3822/KL-KTHS đề ngày 15/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội xác định; số khung 43139Y631346, số máy JC43E0597844 của xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, gắn Biển kiểm soát 29C1-608.64 là số nguyên thủy.

Đối với số giấy tờ giả nêu trên là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của Q được lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 cặp vải màu tím, 01 hộp mực lăn tay, 01 thước dây rút; 01 hộp dấu tròn có ghi chữ Sổ tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội là công cụ Q sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, chuyển Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với điện thoại nhãn hiệu Samsung gắn sim số thuê bao 0705372184; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đỏ gắn sim số thuê bao 0389024842 và số 0379137504 bị can Q là vật chứng của vụ án, chuyển Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam tạm giữ của Q, chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 29C1-608.64; giấy đăng ký xe mô tô 29C1-608.64 mang tên T địa chỉ Ngõ 3B Đ, P, H, Hà Nội. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị V. Tết năm 2022, Q mượn xe mô tô của chị V nói “đề đi làm”. Việc Q đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chị V không biết. Do đó, xe mô tô không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 18/8/2022 Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trả cho chị V.

Đối với 01 USB lưu giữ hình ảnh chị A quay video khi giao dịch ký hợp đồng đặt cọc với bị can Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra kiểm tra đưa vào hồ sơ vụ án. Xét thấy không cần tiếp tạm giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Quyết định xử lý vật chứng trả USB cho anh K.

Xác minh thông tin số tài khoản 020096060980 tại ngân hàng thương mại Cổ phần S xác định chủ tài khoản sử dụng căn cước công dân số 036083140527 mang tên Q sinh ngày 11/7/1983; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh N; số điện thoại 0705372184 đăng ký mở tài khoản ngày 14/02/2022.

Xác minh thông tin thửa đất diện tích 40,3m²; thửa số 352 tờ bản đồ số 19 địa chỉ: D, M, Đông Anh, Hà Nội tại UBND xã M xác định không có thông tin liên quan đến thửa đất số 325 tờ bản đồ số 19.

Đối với ông H chủ nhà thuê trọ nhiều lần cho Q mượn phòng khách của gia đình để thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi thuê nhà trọ, Q giới thiệu tên giả là Q. Ông H không biết tên thật của Q, không biết Q mượn phòng khách để thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với chị L người được bị can Q nhờ ký người làm chứng cho việc lập hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh H và bị can Q. Chị L không biết bị can Q sử dụng tên giả là Q, không biết bị can Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh H nên chị L không đồng phạm với Q nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với người có nick Zalo tên “N” và nick Zalo “V” là người thực hiện hành vi làm giả sổ đỏ, làm giả căn cước công dân và làm giả con dấu của Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội theo đề nghị của Q. Q không biết là ai, chưa gặp mặt lần nào?, không có số điện thoại để liên lạc nên Cơ quan điều tra tách tài liệu tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên D, Q không đặt làm, chưa sử dụng giấy chứng nhận mang tên D đi lừa đảo hoặc sử dụng vào mục đích bất hợp pháp khác. Giấy này là do shipper chuyển nhầm đến đã xóa và bỏ. Do đó, Q không chịu trách nhiệm đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên.

Phần dân sự: Anh K, chị A bị chiếm đoạt số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng); Anh H, chị D bị chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Anh T và chị H bị chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Vợ chồng anh K và chị A, vợ chồng anh H và chị D, vợ chồng anh T và chị H đề nghị Q bồi thường số tiền bị chiếm đoạt.

Tại bản cáo trạng số 148/CT-VKS-ĐA ngày 08/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b,c,d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Q theo tội danh và điều luật đã viện dẫn theo bản Cáo trạng số 148/CT-VKS-ĐA ngày 08/9/2022, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b,c,d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Q từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cả ba tội là từ 10 năm đến 11 năm tù.

Không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 01 căn cước công dân số 031082191287 mang tên C; 01 căn cước công dân số 036083140527 mang tên Q; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 mang tên Q; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số Đ 767773 mang tên D là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp chữ nhật màu đỏ, hình dấu trong màu đỏ có chữ Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; 01 cặp vải màu tím; 01 hộp mực lăn tay; 01 thước dây rút.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đỏ và số tiền 3.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 03 thẻ sim số 0705372184 và 0389024842 và 0379137504.

Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của những người bị hại.

Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên tòa bị cáo Q thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Anh K và anh H đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Q phải bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và đề nghị xét xử bị cáo đúng theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Anh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Q tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự (PC09) - Công an Thành phố Hà Nội và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến ngày 22/3/2022 Q có hành vi làm giả 02 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Q, C; làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BI 294933 mang tên Q; 01 dấu tròn giả của Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội để sử dụng cho việc lừa đảo chiếm đoạt số tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất chiếm đoạt anh K số tiền: 90.000.000 đồng ngày 16/2/2022; Anh H số tiền 30.000.000 đồng ngày 23/2/2022 và anh T số tiền 50.000.000 đồng tại thôn Đ, xã D, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Tổng số tiền mà Q chiếm đoạt là 170.000.000 đồng. Do vậy hành vi của bị cáo Q đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b,c,d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện

Đông Anh đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và phù hợp qui định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an, đến các hoạt động của các cơ quan nhà nước và các tổ chức. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức. Bị cáo Q nhận thức được hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng do cần tiền tiêu xài, lười lao động, nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo do lỗi cố ý trực tiếp. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên khi quyết định hình Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Q chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội.

- Tình tiết tăng nặng: Đối với hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo thực hiện trên 02 lần, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có công việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Đối với ông H chủ nhà thuê trọ nhiều lần cho Q mượn phòng khách của gia đình để thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khi thuê nhà trọ, Q giới thiệu tên giả là Q. Ông H không biết tên thật của Q, không biết Q mượn phòng khách để thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Do vậy nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với anh H chủ nhà trọ Q dùng căn cước công dân giả mang tên C thuê ở, anh H chỉ cho Q thuê nhà trọ để ở, anh H không biết Q dùng căn cước công dân giả, không biết Q làm giả con dấu, tài liệu và sử dụng con dấu, tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với chị L người được bị can Q nhờ ký người làm chứng cho việc lập hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh H và bị can Q. Chị L không biết bị can Q sử dụng tên giả là Q, không biết bị can Q lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh H nên chị L không đồng phạm với Q nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với người có nick Zalo tên “N” và nick Zalo “V” là người thực hiện hành vi làm giả số đỏ, làm giả căn cước công dân và làm giả con dấu của Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội theo đề nghị của Q. Q không biết là ai, chưa gặp mặt lần nào và cũng không có số điện thoại để liên lạc, nên Cơ quan điều tra tách tài liệu tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên D, Q không đặt làm, chưa sử dụng giấy chứng nhận mang tên D đi lừa đảo hoặc sử dụng vào mục đích bất hợp pháp khác. Giấy này là do shipper chuyển nhầm đến đã xóa và bỏ. Do đó, Cơ quan điều tra xác định Q không phải chịu trách nhiệm đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với những vật chứng thu giữ của bị cáo gồm:

[11.1] Căn cước công dân số 031082191287, mang tên C. Căn cước công dân số 036083140527, mang tên Q. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 đề tên Q. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 đề tên Q. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 767773 đề tên D. Tờ giấy có tiêu đề “VĂN BẢN TỪ CHỐI NHẬN TÀI SẢN CHUNG VỢ CHỒNG” đề ngày 6/12/2020. Tờ giấy có tiêu đề “VĂN BẢN TỪ CHỐI NHẬN TÀI SẢN CHUNG VỢ CHỒNG” không đề ngày. Hai tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 23/02/2022. Tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 16/02/2022. Tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 6/3/2022. Là những tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[11.2] Hộp hình chữ nhật màu đỏ; hình dấu tròn màu đỏ có chữ “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” của Thành phố Hà Nội, 01 cặp vải màu tím, 01 hộp mực lăn tay, 01 thước dây dút là công cụ bị cáo Q sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11.3] Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đỏ, bị cáo Q sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy cần tịch thu xung quỹ nhà nước.

[11.4] Đối với các sim số thuê bao 0705372184, sim số thuê bao 0389024842 và số 0379137504 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[11.5] Đối với số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của bị cáo là tiền do phạm tội mà có, nên tịch thu xung quỹ nhà nước.

[11.6] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 29C1-608.64; giấy đăng ký xe mô tô 29C1-608.64 mang tên T địa chỉ Ngõ 3B Đặng Thái Thân, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị V. Tết năm 2022, Q mượn xe mô tô của chị V nói “để đi làm”. Việc Q đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản chị V không biết. Do đó, xe mô tô không liên quan đến hành vi phạm tội nên ngày 18/8/2022 Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trả cho chị V là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11.7] Đối với 01 USB lưu giữ hình ảnh chị An quay video khi giao dịch ký hợp đồng đặt cọc với bị can Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra kiểm tra đưa vào hồ sơ vụ án. Xét thấy không cần tiếp tạm giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Quyết định xử lý vật chứng trả USB cho anh K là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về bồi thường dân sự:

Tổng số tiền các bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường là 170.000.000 đồng.

Xét thấy yêu cầu bồi thường của các bị hại là có căn cứ pháp luật, nên buộc bị cáo Q phải có trách nhiệm bồi thường cho anh K, chị A số tiền 90.000.000 đồng; Anh H, chị D số tiền là 30.000.000 đồng; Anh T, chị H số tiền 50.000.000 đồng.

[15] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của Cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm b,c,d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 55; điểm g khoản 1 Điều 52 (đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”); điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Áp dụng Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1 mục I phần A - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Xử phạt: **Q 04 năm 06 tháng** tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”; **05 năm** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cả của ba tội là **09 năm 06 tháng** (*Chín năm sáu tháng*) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/3/2022.

+ ***Về hình phạt bổ sung:*** Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

+ ***Về bồi thường dân sự:*** Buộc bị cáo Q phải bồi thường cho anh K 90.000.000 đồng, anh H 30.000.000 đồng, anh T 50.000.000 đồng.

+ ***Về xử lý vật chứng:***

- Căn cước công dân số 031082191287, mang tên C. Căn cước công dân số 036083140527, mang tên Q. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 đề tên Q. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 294933 đề tên Q. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 767773 đề tên D. Tờ giấy có tiêu đề “VĂN BẢN TỪ CHỐI NHẬN TÀI SẢN CHUNG VỢ CHỒNG” đề ngày 6/12/2020. Tờ giấy có tiêu đề “VĂN BẢN TỪ CHỐI NHẬN TÀI SẢN CHUNG VỢ CHỒNG” không đề ngày. Hai tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 23/02/202. Tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 16/02/2022. Tờ giấy có tiêu đề “HỢP ĐỒNG ĐẶT CỌC” đề ngày 6/3/2022 tạm giữ của bị cáo Q là chứng cứ của vụ án, được lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp hình chữ nhật màu đỏ, hình dấu tròn màu đỏ có chữ “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” Hà Nội, 01 cặp vải màu tím, 01 hộp mực lăn tay, 01 thước dây rút, thẻ sim số thuê bao 0705372184, thẻ sim số thuê bao 0389024842 và số 0379137504.

- Tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 3.000.000 đồng, 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đỏ thu giữ của bị cáo.

(Số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/9/2022 và giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh ngày 12/9/2022 tại Kho bạc Nhà nước Đông Anh).

+ ***Về án phí:***

Bị cáo Q phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn*) án phí hình sự sơ thẩm.

+ ***Về quyền kháng cáo:***

Bị cáo Q, anh K, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Cơ quan THA huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- CA X.H, H.T, TP.Hà Nội;
- UBND X. H, H.T, TP.Hà Nội;
- Các bị cáo; Người bị hại;
- Lưu./.

Phạm Thị Thu Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

